

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ KUIN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 16 - 3 - 2023  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quốc Định

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Năng Long;

2. Bà Hoàng Thị Trang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 222/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09a/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn 9, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

\* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Danh H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn 9, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Các đương sự đều có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các lời khai quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L (nguyên đơn) và ông Nguyễn Danh H (bị đơn) trước đây có tự nguyện đăng ký kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2003 tại Ủy ban

nhân dân xã E. Đến năm 2013 thì vợ chồng ly hôn và được giải quyết bằng Quyết định của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2015 vợ chồng quay trở về và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Cư Kuin vào ngày 01/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn 9, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì đến đầu năm 2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bị đơn thường xuyên rượu chè và đánh đập vợ con, khiến tâm lý các con bất ổn, vợ chồng nhiều lần cãi vã và không có tiếng nói chung. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống từ năm 2003 cho đến nay, nguyên đơn với bị đơn có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Trúc V, sinh ngày 21/3/2012 và cháu Nguyễn Danh T, sinh ngày 17/6/2021. Sau khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung không có nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà ông Nguyễn Danh H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Qua quá trình chung sống, bị đơn và nguyên đơn thường xuyên cãi vã, nguyên nhân mâu thuẫn do nguyên đơn có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, khiến cho vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau không thể tiếp tục sống chung. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn thì bị đơn không đồng ý, vì cuộc sống của các con cần có tình thương của cha và mẹ.

Về con chung: Quá trình chung sống từ năm 2003 cho đến nay, nguyên đơn với bị đơn có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Trúc V, sinh ngày 21/3/2012 và cháu Nguyễn Danh T, sinh ngày 17/6/2021. Hiện tại các cháu đang ở với nguyên đơn. Nếu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về ly hôn, thì bị đơn đồng ý giao các con cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện tại bị đơn không có công việc ổn định và tài sản gì để chăm sóc các cháu.

Về tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo

quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn. Về con chung giao các cháu Nguyễn Thị Trúc V, sinh ngày 21/3/2012 và cháu Nguyễn Danh T, sinh ngày 17/6/2021 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời khai của các đương sự tại phiên toà, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn ông Nguyễn Danh H có địa chỉ nơi cư trú tại thôn 9, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết vào năm 2003, đến năm 2013 thì vợ chồng ly hôn và được giải quyết bằng Quyết định số 27/2013/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Đến cuối năm 2015, nguyên đơn và bị đơn tiếp tục xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Cư Kuin vào ngày 01/12/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống với nhau, giữa bị đơn và nguyên đơn tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Tại phiên toà, giữa vợ chồng xác định không còn tình cảm với nhau. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX cần chấp nhận đơn xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Trúc V, sinh ngày 21/3/2012 và cháu Nguyễn Danh T, sinh ngày 17/6/2021, hiện tại các cháu đang ở với nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất giao cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến tuổi thành

niên. Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên cần giao các cháu cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Danh H.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Trúc V, sinh ngày 21/3/2012 và cháu Nguyễn Danh T, sinh ngày 17/6/2021 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2021/0017483 ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã E;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lê Quốc Định**